

Bản án số: 126/2017/DS-ST
Ngày 24-10-2017
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Ngô Văn Mừng.

2. Bà: Nguyễn Thị Hồng Huệ.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 290/2016/TLST-DS ngày 07/10/2016 về việc tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:156/2017/QĐST-DS ngày 12 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Đ (Út L), sinh năm 1960. Có mặt.

Địa chỉ: ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Bà Trần Ngọc T, sinh năm 1978. Vắng mặt.

Địa chỉ: ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Phương N, sinh năm 1978. Vắng mặt.

Địa chỉ: ấp T, thị trấn C, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, tờ tự khai, biên bản lấy lời khai và các biên bản hòa giải tại Tòa án nguyên đơn bà Lê Thị Đ trình bày: Bà có cho bà T vay số tiền 130.000.000đ vào ngày 24/7/2015 để đáo hạn nợ Ngân hàng, không thỏa thuận lãi, hạn 04 ngày trả lại, việc vay mượn có làm biên nhận do bà Thúy ký tên. Nay bà Lê Thị Đ yêu cầu bà Trần Ngọc T trả lại số tiền vay còn nợ là 130.000.000đ và yêu cầu tính lãi tiền vay theo quy định của pháp luật từ tháng 7/2015 đến nay. Ngày 10.4.2017 bà Đ khởi kiện bổ sung yêu cầu bà Trần Ngọc T và ông Nguyễn Phương N cùng có nghĩa vụ trả lại số tiền vay còn nợ là 130.000.000đ và yêu cầu tính lãi tiền vay theo quy định của pháp luật từ tháng 7/2015 đến nay.

Bị đơn bà Trần Ngọc T và người liên quan ông Nguyễn Phương N đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng đã vắng mặt không rõ lý do nên không ghi nhận được ý kiến và không tiến hành hòa giải được.

Tòa án đã triệu tập bà Trần Ngọc T và ông Nguyễn Phương N để tham gia phiên tòa nhưng bà T và ông N cùng vắng mặt.

Tại phiên tòa hôm nay bà Đ vẫn giữ nguyên ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết:

Hợp đồng vay tài sản giữa bà Đ với bà T được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận với nhau được thể hiện bằng biên nhận nợ ngày 24/7/2015. Do bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên bà Đ khởi kiện yêu cầu trả 130.000.000đ là có căn cứ phù hợp theo Điều 471, 474 của Bộ luật dân sự 2005.

Đối với ông N tuy không giao kết hợp đồng nhưng số nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2014, buộc ông N có trách nhiệm liên đới với bà T trả cho bà Đ số tiền trên.

Về yêu cầu tính lãi của bà Đ từ tháng 7/2015 đến nay là phù hợp Điều 476 của Bộ luật dân sự 2005.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về Pháp luật tố tụng: Bà Lê Thị Đ khởi kiện yêu cầu yêu cầu bà Trần Ngọc T và ông Nguyễn Phương N cùng trả số tiền vay còn nợ là 130.000.000đ và yêu cầu tính lãi tiền vay theo quy định của pháp luật từ tháng 7/2015 đến nay là phù hợp quy định tại Điều 26; Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền và còn trong thời hiệu khởi kiện.

Bị đơn và người liên quan, cùng vắng mặt mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần hai, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người liên quan là phù hợp theo Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 là có căn cứ.

[2]- Về pháp luật nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Đ khởi kiện yêu cầu bà Trần Ngọc T và ông Nguyễn Phương N cùng trả số tiền vay còn nợ là 130.000.000đ và yêu cầu tính lãi tiền vay theo quy định của pháp luật từ tháng 7/2015 đến nay nhận thấy: Nguyên đơn cung cấp chứng cứ là biên nhận nợ ngày 24/7/2015 có chữ ký của Trần Ngọc T, bản sao trích lục kết hôn của bà T và ông N. Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các chứng cứ do bà Đ cung cấp nhưng bị đơn không có ý kiến gì phản bác, căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 có cơ sở xác định các bên đã xác lập hợp đồng vay tài sản trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 471; 474 của Bộ luật dân sự 2005 và việc bà T vay của bà Đ 130.000.000đ là có thật và có cơ sở chấp nhận yêu cầu của bà Đ.

Đối với ông Nguyễn Phương N là chồng của bà T, tuy không tham gia giao kết hợp đồng vay tiền đối với bà Đ, nhưng số nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, căn cứ vào Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình, buộc ông Nam có trách nhiệm liên đới với bà T trả cho bà Đ số nợ trên là phù hợp.

[2.2] Nguyên đơn yêu cầu tính lãi là phù hợp Điều 476 của Bộ luật dân sự 2005 và tiền lãi được áp dụng quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng Nhà nước, mức lãi là 0,75%/tháng, từ tháng 7/2015 đến tháng 11/2017 được tính là 28 tháng, cụ thể: $130.000.000đ \times 0,75\% \times 150\% \times 28 \text{ tháng} = 40.950.000đ$.

Từ cơ sở trên, buộc bà Trần Ngọc T và ông Nguyễn Phương N cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Đ tiền vốn vay còn nợ là 130.000.000đ và tiền lãi là 40.950.000đ, tổng cộng vốn và lãi là 170.950.000đ.

[3] Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: - Các Điều 26; Điều 35; Điều 39, khoản 2 Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự .

- Các Điều 471; 474 và Điều 476 Bộ luật dân sự 2005.

- Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Nghị quyết án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016.

Tuyên Xử: * Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Đ.

* Buộc bà Trần Ngọc T và ông Nguyễn Phương N cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị Đ số tiền vốn và lãi là 170.950.000đ.

Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Ngọc T và ông Nguyễn Phương N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 8.547.500đ.

- Hoàn lại cho bà Lê Thị Đ số tiền tạm ứng án phí là 3.550.000đ theo biên lai thu tiền số 0013770 ngày 10.4.2017 và biên lai thu tiền số 0004541 ngày 07.10.2016 cùng của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thanh toán cho bên được thi hành án số tiền nêu trên, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất **10% năm** tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Công Đức

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Hồ Trung Châu

Hồ Trung Châu

Hồ Trung Châu

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Bị đơn Lê hồng Phúc đã được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án là đúng pháp luật.

Xét yêu cầu được ly hôn của chị Ân đối với anh Phúc Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình chung sống anh chị có những bất hòa, mâu thuẫn không thể hàn gắn nên phải ly thân từ tháng 6 năm 2010 đến nay, nguyên nhân do chị Ân là người khuyết tật luôn gặp khó khăn trong sinh hoạt, anh Phúc không lo làm ăn, thường hay uống rượu về đập phá tài sản trong gia đình. Nay chị Ân yêu cầu ly hôn, anh Phúc xin được hàn gắn.

Xét thấy anh Phúc không đồng ý ly hôn nhưng anh thừa nhận nhiều lần uống rượu về đập phá tài sản trong nhà, đánh chị Ân, đã thể hiện mâu thuẫn giữa anh chị đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nay anh phúc yêu cầu hàn gắn nhưng đến nay vẫn không hàn gắn được, hơn nữa trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập nhiều lần để hòa giải nhưng anh không đến hòa giải cho thấy anh không có thiện chí để hàn gắn mâu thuẫn gia đình.

Như vậy, hôn nhân của chị Ân và anh Phúc nếu duy trì cũng không có hạnh phúc. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ân; chị Ân được ly hôn với anh Phúc là phù hợp pháp luật cũng như hoàn cảnh thực tế hiện nay của anh chị.

Về con chung. Chị Ân và anh Phúc có 01 con chung tên Lê Phan Bảo Nghi, sinh năm 2005. Hiện cháu Nghi đang sống với chị Ân và chị Ân yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu anh Phúc cấp dưỡng nuôi con. Anh phúc đồng ý giao con chung cho chị Ân nuôi dưỡng nên Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu được nuôi con chung của chị Ân. Anh Phúc không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung. Chị Ân và anh Phúc xác định vợ chồng không có tài sản chung nên Tòa án không xét đến.

Ghi nhận việc chị Ân và anh phúc xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị Ân và anh Phúc phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí:

Chị Ân phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng:

- Các Điều 91, 92, 93, 94 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;
- Các Điều 27, 33, 131, 201 và 245 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội số: 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị Kim Ân.

Về quan hệ hôn nhân:

- Chị Phan Thị Kim Ân được ly hôn với anh Lê Hồng Phúc. Giấy chứng nhận kết hôn số 48 ngày 04.5.2005 của Ủy ban nhân dân thị trấn Mỹ Luông, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

Về quan hệ con chung:

- Chị Phan Thị Kim Ân được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung tên Lê Phan Bảo Nghi, sinh ngày 29.5.2005 (hiện cháu Nghi đang sống cùng chị Ân).

- Anh Phúc có trách nhiệm giao con chung tên Lê Phan Bảo Nghi, sinh ngày 29.5.2005 cho chị Ân chăm sóc, nuôi dưỡng.

- Anh Lê Hồng Phúc không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Anh Phúc không trực tiếp nuôi con chung nhưng anh có quyền tới lui thăm nom con chung, không ai được cản trở anh Phúc thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí hôn nhân và gia đình:

- Chị Ân phải chịu 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 002038 ngày 11.01.2011 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới; Chị Ân đã nộp đủ án phí.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thanh toán cho bên được thi hành án số tiền nêu trên, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả cho bên được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước quy định tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**